

Số: /2025/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính. Đây là căn cứ để ban hành đơn giá và giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá và các quy định pháp luật liên quan khác, làm cơ sở cho việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Các dịch vụ được điều chỉnh bao gồm:

a) Quản lý, sử dụng và vận hành trụ sở làm việc các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh;

- b) Quản lý, sử dụng và vận hành Trung tâm Hội nghị tỉnh;
- c) Quản lý, sử dụng và vận hành xe ô tô công phục vụ nhiệm vụ chính trị - xã hội của tỉnh;
- d) Tổ chức quản lý kho tài sản của tỉnh.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính;
- b) Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan tham mưu, giúp quản lý nhà nước về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính trên địa bàn tỉnh;
- c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Thành phần cơ bản định mức kinh tế - kỹ thuật**

Thành phần cơ bản của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính bao gồm: định mức lao động; định mức vật tư, công cụ dụng cụ; định mức máy móc, thiết bị; định mức năng lượng tiêu hao và định mức chi phí cố định.

## **Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, sử dụng và vận hành Trụ sở làm việc các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, sử dụng và vận hành Trung tâm Hội nghị tỉnh thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, sử dụng và vận hành xe ô tô công phục vụ nhiệm vụ chính trị - xã hội của tỉnh thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức quản lý kho tài sản của tỉnh thực hiện theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành tài chính trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 5 năm 2025.**

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- VP. Chính phủ (HN, TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 6;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hòa**